

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH-
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08/10/2019

Về việc: “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu H- ơng
Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Huỳnh Ph- ơng Lan

2. Ông Nguyễn Văn Kiệt

- **Th- ký phiên tòa:** Ông Lý Văn Toán— Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai công khai vụ án thụ lý số: 190/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXX-ST, ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Thị Thảo H**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh K.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông **Danh N**, sinh năm 1970 (CMND là Danh N, sinh năm 1968)

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh K.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2019 của nguyên đơn Thị Thảo H, bản tự khai của các đ- ơng sự, các phiên không hòa giải được ngày 16/7/2019 và 23/7/2019, vụ án có nội dung nh- sau:

Vào năm 1996, sau thời gian tự nguyện tìm hiểu và đ- ọc sự đồng ý của gia đình hai bên, bà Thị Thảo H cùng ông Danh N (Danh N) tổ chức lễ c- ới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, ông, bà có bốn người con chung tên Danh Thị Kim N, sinh ngày 23/12/1997, Danh Thị Ngọc D, sinh ngày 21/11/1999, Danh Thị Diễm T, sinh ngày 02/8/2001 và Danh Bảo A, sinh ngày 21/12/2009 đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng; không có tài sản chung và không có nợ chung. Sau khi kết hôn với nhau, cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông N hạnh phúc, nhưng từ năm 2010- 2011 thì ông, bà thường

xuân xảy ra mâu thuẫn do ông N không có trách nhiệm với gia đình nên ông, bà đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay.

Bà Thị Thảo H yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đ- ợc ly hôn với ông Danh N.

- Về con chung: Đ- ợc tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục cháu Danh Thị Diễm T và cháu Danh Bảo A cho đến khi cháu T, cháu A tròn 18 tuổi, không yêu cầu ông Danh N cấp d- ỡng nuôi con; Danh Thị Kim N, Danh Thị Ngọc D đã trưởng thành nên bà Hòa không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ông Danh N đồng ý ly hôn với bà Thị Thảo H; về quan hệ con chung, tài sản và nợ chung thì ông đồng ý với ý kiến của bà Thị Thảo H.

Tại phiên tòa, bà Thị Thảo H giữ nguyên yêu cầu về hôn nhân, tài sản chung và nợ chung; thay đổi yêu cầu về nuôi con chung là yêu cầu đ- ợc tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục cháu Danh Bảo A cho đến khi cháu Bảo A tròn 18 tuổi, không yêu cầu ông Danh N cấp d- ỡng nuôi con; Danh Thị Kim N, Danh Thị Ngọc D, Danh Thị Diễm T đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vào năm 1996, bà Thị Thảo H và ông Danh N (Danh N) thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 21/5/2019, bà Thị Thảo H có đơn khởi kiện yêu cầu đ- ợc ly hôn với ông Danh N cư trú tại khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh K và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung giữa bà H và ông N. Đây là tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt ông Danh N tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09/9/2019 cho ông Danh N theo quy định của pháp luật, ông Danh N đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 11/6/2019 (BL 25), đ- ợc sự thống nhất của bà Thị Thảo H, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Danh N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Thị Thảo H:

2.1. Về hôn nhân: Bà Thị Thảo H và ông Danh N tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ c- ối vào năm 1996 nh- ng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà Thị Thảo H và ông Danh N là hôn nhân không hợp pháp. Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà Thị Thảo H và ông

Danh N là quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Bà Thị Thảo H và ông Danh N tự nguyện xác định là ông, bà có bốn ng-ời con chung là Danh Thị Kim N, sinh ngày 23/12/1997, Danh Thị Ngọc D, sinh ngày 21/11/1999, Danh Thị Diễm T, sinh ngày 02/8/2001 và Danh Bảo An sinh ngày 21/12/2009 đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét rằng: Ngày 30/5/2019, cháu Danh Bảo A có nguyện vọng xin được ở với mẹ khi cha, mẹ ly hôn (BL 26) nên Tòa án chấp nhận nguyện vọng của cháu Bảo A, giao cháu Danh Bảo A cho bà Thị Thảo H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d-ỡng, giáo dục cho đến khi cháu Bảo A tròn 18 tuổi.

2.3. Về cấp d-ỡng nuôi con: Do bà Thị Thảo H không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Ng-ời trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để ng-ời không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Tr-ởng hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của ng-ời con, các đ-ợng sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp d-ỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do bà Thị Thảo H và ông Danh N không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Thị Thảo H.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của □y ban Th-ởng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Bà Thị Thảo H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm bà Thị Thảo H phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Thị Thảo H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004960, ngày 24/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, bà Thị Thảo H không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Ông Danh N không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của □y ban Th-ởng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Thị Thảo H và ông Danh N (Danh N) là quan hệ vợ chồng.

2- Về con chung: Giao cháu Danh Bảo A, sinh ngày 21/12/2009 cho bà Thị Thảo H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục cho đến khi cháu Bảo A tròn 18 tuổi.

3- Về cấp d- ỡng nuôi con: Do bà Thị Thảo H không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

4- Về tài sản chung và nợ chung: Do bà Thị Thảo H và ông Danh N không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

5- Về án phí: Bà Thị Thảo H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm bà Thị Thảo H phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Thị Thảo H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004960, ngày 24/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, bà Thị Thảo H không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Ông Danh N không phải chịu án phí sơ thẩm.

Tr- ờng hợp bản án đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6- Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/10/2019), đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận đ- ọc Bản án hoặc đ- ọc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu H- ơng